TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền;

Ông Trần Ngọc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị LTK, sinh năm 1993; ĐKHKTT: Xã A, huyện B; tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay : Số 20D8/16A C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh NDS, sinh năm 1980; ĐKHKTT: Xã F, huyện G, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay : Số 03/81 đường H, phường I, quận E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị LTK có đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh NDS được ly hôn và trình bày:

Chị và anh NDS kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An vào ngày 07 tháng 7 năm 2017. Quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh NDS hạnh phúc và có với nhau một con chung. Đến đầu năm 2020 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Từ tháng 06 năm 2021 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh NDS và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh NDS.

Về con chung: Anh chị có một con chung là: J, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2019. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con J cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị LTK không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị LTK không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh NDS đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và biết việc chị LTK xin ly hôn anh, anh trình bày quan điểm mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ vì hạnh phúc của con, nếu chị LTK vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị LTK và anh NDS là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Anh chị nhiều lần xô xát, cãi vã dẫn đến mất trật tự an ninh xóm phố. Chị LTK đã có lần trình báo sự việc đến Công an phường Hạ Lý tuy nhiên sau khi được Công an phường triệu tập anh NDS không đến và chị LTK cũng không còn trình báo sự việc gì thêm nên Công an phường không xử lý. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị LTK có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227,

Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị LTK được ly hôn anh NDS. Về con chung: Giao con chung là J, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2019 cho chị LTK nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác : Chị LTK không yêu cầu Tòa án giải quyết n ên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét , giải quyết . Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại: Số 03/81 đường H, phường I, quận E, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân : Chị LTK và anh NDS kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản xác minh tại Công an phường, Tổ dân phố nơi chị LTK và anh NDS cư trú thấy quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay anh NDS chuyển nhà đi ở nơi khác, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị LTK và anh NDS là có thật. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị LTK đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống , chị không còn tình cảm gì với anh NDS, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho

cả hai. Anh NDS vẫn mong muốn Tòa án giải quyết cho anh chị về đoàn tụ , tuy nhiên trên thực tế anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, anh NDS không đưa ra được phương án nào để chị LTK thay đổi suy nghĩ và quay về chung sống với anh. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị LTK là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: J, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2019. Ly hôn chị LTK đề nghị được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chị LTK tự thỏa thuận với anh NDS và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu J sinh ngày 15 tháng 4 năm 2019, tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cháu Trường chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi... ."* Mặt khác từ khi con sinh ra chị LTK là người trực tiếp nuôi dưỡng, con lại còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Nên việc giao con chung cho chị LTK trực tiếp chăm s óc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con J cho chị LTK trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị LTK và anh NDS tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị LTK không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung . Bị đơn anh NDS mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày về việc giải quyết tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến . Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải qu yết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau.

[7] Về các vấn đề khác : Chị LTK không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị LTK phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị LTK được ly hôn anh NDS.

2. Về con chung: Giao con chung là: J sinh ngày 15 tháng 4 năm 2019 cho chị LTK trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị LTK và anh NDS tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Chị LTK không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị LTK phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009514, ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị LTK đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND xã A, B, Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phương